TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 94/2024/HC - PT Ngày: 28/3/2024 *V/v: "Kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tào.**

- Các Thẩm phán: ông **Trần Đức Kiên** và bà **Trần Thị Kim Liên.**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trần Xuân Lộc,** Thư ký tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Quách Hòa Bình,** Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 359/2023/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2023 về: *"Kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2023/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 254/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2024; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: bà Phạm Thị T, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ I, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1955; địa chỉ: 5 Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- Người bị kiện:

1. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

2. Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: ông Trần Trung C - Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: số E P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh thành phố Q.

Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh thành phố Q. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Văn X - Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Phạm Văn K - Phó Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Huy Â - Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Văn C1 - Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Bùi Phụ T1, sinh năm 1972. Vắng mặt.

5. Ông Bùi Phụ T2, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ I, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:***

Ngày 25/8/1990, bà Phạm Thị T và chồng là ông Bùi L (chết năm 2014) có nhận sang nhượng của vợ chồng ông Bùi Phụ T1, bà Nguyễn Thị Ú căn nhà và mảnh đất khoảng hơn 1.000m^2 với giá 12 chỉ vàng. Vợ chồng bà T sử dụng ổn định từ năm 1990 cho đến năm 2005 thì ông Bùi Phú L1 có đơn khởi kiện và Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Bản án số 09/DSPT ngày 20/01/2006 về việc đòi lại tài sản và buộc vợ chồng bà phải giao cho ông Bùi Phú L1, Bùi Phụ T2, Bùi C2 và Bùi Phụ T1 diện tích 813m^2 tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa số 132, tờ bản đồ số 17) phường Q.

Ngày 03/8/2007, Chi cục Thi hành án dân sự (THADS) thành phố Q ban hành Quyết định thi hành án số 734/QĐ-TĐYC-THA buộc vợ chồng bà T phải giao 813m^2 đất theo bản án cho ông Bùi Phú L1.

Ngày 03/3/2008, các ông Bùi Phú L1, Bùi Phụ T2, Bùi C2, Bùi Phụ T1 làm đơn xin rút đơn yêu cầu thi hành án đối với diện tích 813m^2 đất theo bản án. Ngày 05/3/2008, Chi cục THADS thành phố Q ban hành Quyết định số 11/QĐ-THA về việc đình chỉ thi hành án theo yêu cầu của các đương sự nêu trên và cơ quan THADS xác nhận đến các đương sự liên quan, đến các cơ quan có thẩm quyền xem xét để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 30 của Pháp lệnh Thi hành án dân sự thì kết thúc thi hành án. Ngày 06/10/2009, Văn phòng Đ - Chi nhánh thành phố Q có Thông báo số 673/TB-VPĐKQSDĐ về việc cấp GCNQSD đất cho ông Bùi L và bà Phạm Thị T và Thông báo số 176/TB-VPĐKĐĐ ngày 19/10/2010 về việc bổ sung hồ sơ xin cấp GCNQSD đất trong thời điểm này do chồng bà T là ông Bùi L bị bệnh phải điều trị tại S nên không bổ sung hồ sơ được.

Ngày 31/12/2009, ông Bùi Phú L1 lại tiếp tục có đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 22/01/2010, Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Q ban hành văn bản số 71/CV-THA trả lời đơn yêu cầu thi hành án của ông Bùi Phú L1 đã xác định: Sau khi nhận được đơn xin rút đơn yêu cầu thi hành án của ông Bùi Phú L1, cơ quan THADS thành phố Q đã mời ông L1 đến làm việc; tại biên bản giải quyết thi hành án ngày 03/3/2008, ông L1 đã tự nguyện xin rút đơn yêu cầu thi hành án. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 28 Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 2004 và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 173/NĐ-CP ngày 30/9/2004 của Chính phủ, Chi cục THADS thành phố Q đã ra Quyết định số 11/QĐ-THA ngày 05/3/2008 để đình chỉ thi hành Quyết định thi hành án số 734/QĐ-THA ngày 03/8/2007 về khoản: Buộc vợ chồng ông Bùi L, bà Phạm Thị T phải giao cho các ông Bùi Phú L1, Bùi C2, Bùi Phụ T1, Bùi Phụ T2 (do ông Bùi Phú L1 làm đại diện) phần đất vườn có diện tích 813m^2 tọa lạc tại thửa 115, tờ bản đồ số 3, tổ B, phường Q, thành phố Q. Do đó, nay ông Bùi Phú L1 có đơn yêu cầu thi hành Bản án số 09/DSPT ngày 20/01/2006 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cùng nội dung mà ông đã tự nguyện rút đơn yêu cầu thi hành án, Chi cục THADS thành phố Q không có cơ sở giải quyết yêu cầu của ông.

Tuy nhiên đến ngày 10/01/2011, Chi Cục THADS thành phố Q lại ban hành Quyết định số 07/QĐ-THA về việc thu hồi Quyết định đình chỉ thi hành án số 11/QĐ-THA ngày 05/3/2008 để tiếp tục tổ chức thi hành án. Ngày 12/01/2011, Chi Cục THADS thành phố Q lại chỉ đạo ban hành Thông báo số 82/TB-THA về việc thi hành án giao quyền sử dụng diện tích 813m^2 đất theo đơn của ông Bùi Phú L1, nhưng các quyết định và văn bản trên cơ quan thi hành án không tống đạt cho bà T biết. Thế nhưng ngày 08/3/2011, Chấp hành viên ra Thông báo số 114/THA về việc thu dọn di chuyển tài sản để thi hành án. Do Thông báo số 114/THA trái pháp luật nên bị bà T khiếu nại; ngày 25/4/2011 Chi cục THADS thành phố Q có biên bản về việc giải quyết khiếu nại tại biên bản này sau khi ông Bùi Lệ k vào biên bản, đã yêu cầu cơ quan thi hành án hủy các Quyết định và Thông báo số 114/THA; do cơ quan THADS thành phố Q không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại nên ngày 30/5/2011, vợ chồng bà T có đơn tố giác những việc làm sai trái của cơ quan THADS gửi các cơ quan có thẩm quyền. Thế nhưng các cơ quan có thẩm quyền liên quan không xem xét giải quyết để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho vợ chồng bà T. Do vậy, bà T liên tục làm đơn khiếu nại, tố cáo thì Cục T cho rằng: Nội dung khiếu nại của bà T đối với các quyết định, văn bản của Chi cục T là không có cơ sở và thời hiệu khiếu nại đã hết nên không thụ lý giải quyết.

Nếu không thụ lý đơn của bà T để giải quyết thì tại sao từ năm 2011 cho đến nay đã hơn 10 năm mà cơ quan THADS thực thi nhiệm vụ, công vụ mà

không thực hiện đúng quyền của mình để tổ chức thi hành án đúng theo trình tự quy định của Luật Thi hành án dân sự mà kéo dài nhiều năm nay không thi hành án được. Như vậy, đối với các quyết định của Chi cục THADS thành phố Q ngày 10/01/2011 và ngày 01/06/2018 nêu trên không còn giá trị pháp lý để tiếp tục thi hành án, bởi vì trái pháp luật, vi phạm khoản 3 Điều 28 và Điều 30 của Pháp lệnh Thi hành án dân sự ngày 14/01/2004. Đồng thời vi phạm khoản 2 Điều 16 Nghị định số 173/2004/NĐ-CP ngày 30/9/2004 của Chính phủ và khoản 1, 7, 8 Điều 21 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Vì vậy, bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thì Tòa án nhân dân thành phố Q ra Thông báo số 217/TB-TA ngày 10/8/2018 trả lại đơn khởi kiện cho rằng đơn khởi kiện của bà không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan thi hành án và Ủy ban nhân dân thành phố Q. Từ đó, Cơ quan THADS cũng không tổ chức thi hành án theo Quyết định số 945 ngày 01/6/2018. Do vậy, ngày 18/8/2021 bà T căn cứ khoản 3, Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 tiếp tục làm đơn đăng ký cấp GCNQSD đất diện tích 813m^2 theo bản án; ngày 12/10/2021 Văn phòng Đ Chi nhánh thành phố Q ra thông báo số 2896/TB-CNTPQN ngày 12/10/2021 về việc trả lại hồ sơ không giải quyết vì lý do cho rằng: *"Theo Công văn số 05/CV-CCTHADS ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Q đang tổ chức thi hành bản án; bản án số 15/2005/DS-ST ngày 22/8/2005 của Toà án nhân dân thị xã Quảng Ngãi; bản án số 09/DS-PT ngày 20/01/2006 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 945/QĐ-THADS ngày 01/6/2018 của Chi cục trưởng* Chi cục THA Dân sự thành phố Q *về khoản buộc vợ chồng ông* Bùi L *và bà* Phạm Thị T *phải giao lại cho ông* Bùi Phú L1, Bùi C2, Bùi Phụ T1, Bùi Phụ T2 *(do ông* Bùi Phụ T1, Bùi Phụ T2 *đại diện) phần diện tích vườn có diện tích 813m^2 tọa lạc tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 3, thuộc* tổ B, phường Q.*"*. Vì lý do trên để trả lại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T là không đúng, trái pháp luật, vi phạm khoản 3 Điều 100 và khoản 4, 8, 10 Điều 12 của Luật Đất đai năm 2013.

Bà T không đồng ý với Thông báo số 2896/TB-CNTPQN ngày 12/10/2021 của Văn phòng Đ Chi nhánh thành phố Q nên làm đơn khiếu nại thì ngày 24/9/2022 bà T nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 223/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 06/9/2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi tại phần IV kết luận cho rằng:*"Ngày 14/6/2021, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q tiếp tục ban hành Thông báo số 1119/TB-CCTHADS về việc thi hành án. Bà* T *không thi hành án mà ngày 19/8/2021, bà* Phạm Thị T *nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số 17, đo vẽ năm 2016. Do đó, ngày 05/10/2021 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q có Công văn số 05/CV-CCTHADS gửi Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh* thành phố Q *và* UBND phường Q *về việc phối hợp thi hành án; Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 22/10/2021 về việc tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng đất, thay đổi hiện trạng tài sản đối với phần diện tích mà ông* Bùi L *và bà* Phạm Thị T *phải giao lại cho ông* Bùi Phú L1.

Căn cứ Điều 11, Điều 178 Luật Thi hành án dân sự và Khoản 5, Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị T *đối với phần đất nêu trên không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh,* Chi nhánh thành phố Q *ban hành Thông báo số 2896/TB-CNTPQN ngày 12/10/2021 để trả hồ sơ cho bà* Phạm Thị T *là có cơ sở, đảm bảo quy định của pháp luật.*

Việc ông Nguyễn Văn N *yêu cầu không công nhận nội dung Công văn số 05/CV-CCTHADS gửi Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh* thành phố Q *và yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố chấm dứt hành vi cản trở việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà* Phạm Thị T*, đối với phần diện tích đất 813m^2 nêu trên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh".* Như vậy việc làm trên của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố Q là không đúng, trái pháp luật, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị T. Vì vậy: Dựa theo khoản 2 và khoản 8 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Căn cứ khoản 3 Điều 100 và khoản 4, 8, 10 Luật Đất đai năm 2013. Khoản 3 Điều 28 và Điều 30 của Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 2004 và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 173/NĐ-CP ngày 30/9/2004 của Chính phủ thi hành Pháp lệnh thi hành án dân sự. Khoản 1, 7, 8 Điều 21 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bà Phạm Thị T đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề cụ thể sau đây:

- Tuyên bố hành vi hành chính trả hồ sơ không giải quyết việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi tại Thông báo số 2896/TB-CNTPQN ngày 12/10/2021 là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi phải tiếp nhận lại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xác lập trình tự thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T đối với thửa đất số 132, tờ bản đồ số 17, phường Q theo quy định của pháp luật.

- Hủy quyết định số 223/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 06/9/2022 của Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn N (người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị T).

Ngoài ra, tại phiên toà, ông Nguyễn Văn N (người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị T) yêu cầu Toà án xem xét tính hợp pháp: Văn bản số 05/CV-CCTHADS ngày 05/10/2021, Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 945/QĐ-CCTHADS ngày 01/6/2018, Văn bản số 07/QĐ-THA ngày 10/01/2011 về việc thu hồi quyết định đình chỉ số 11/QĐ-THA ngày 05/3/2008, Văn bản số 71/CV-THA ngày 22/01/2010 cùng của Chi Cục THADS thành phố Q và Quyết định đình chỉ số 11/QĐ-THA ngày 05/3/2008. Văn bản số 685/CTHA ngày 17/8/2016, Văn bản số 241/TB-CTHADS ngày 19/6/2018 của Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi. Văn bản xin rút đơn yêu cầu thi hành án ngày 03/3/2008 của ông Bùi Phú L1. Văn bản yêu cầu thi hành án trở lại của ông Bùi Phú L1 ngày

31/12/2009. Văn bản yêu cầu thi hành án của ông Bùi Phụ T1, Bùi Phụ T2 đề ngày 28/5/2018.

**** Tại Văn bản số 588/VPĐKĐ-ĐKCGCN ngày 27/3/2023, số 706/VPĐKĐ-ĐKCGCN ngày 27/3/2023, người bị kiện Giám đốc,*** Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi ***trình bày:***

Quá trình giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị T:

Ngày 19/8/2021, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng quyền sử dụng đất lần đầu của bà Phạm Thị T đối với thửa đất số 132, tờ bản đồ số 17, phường Q (đo vẽ năm 2016); đối chiếu bản đồ 1993 thuộc một phần thửa đất số 115, tờ bản đồ số 03, phường Q.

Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, ngày 20/01/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có Bản án số 09/DSPT tuyên xử: *"Buộc ông* Bùi L *và bà* Phạm Thị T *phải giao lại cho ông* Bùi Phú L1, Bùi C2, Bùi Phụ T1, Bùi Phụ T2 *(do ông* Bùi Phú L1 *đại diện) phần diện tích đất vườn có diện tích 813m^2 được xác định cụ thể theo sơ đồ bản vẽ lập ngày 09/01/2006... Phần đất còn lại của khu vườn có diện tích 757m^2 tiếp tục giao cho vợ chồng ông* L*, bà* T *quản lý sử dụng…"*.

Phần diện tích 757m^2 giao cho vợ chồng ông Bùi L và bà Phạm Thị T quản lý sử dụng theo nội dung Bản án trên đã được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 19846, cấp ngày 25/10/2018, thửa đất số 197, tờ bản đồ số 17, diện tích 755,lm^2, phường Q.

Năm 2021, bà Phạm Thị T căn cứ vào đơn xin rút đơn yêu cầu thi hành án của ông Bùi Phú L1 ngày 03/3/2008 và Quyết định số 11/QĐ-THA ngày 05/3/2008 về việc đình chỉ thi hành án của Chi cục Thi hành án, để đề nghị cấp GCNQSD đất với diện tích 813m^2 (đo đạc thực tế là 676,5m^2) đây là phần diện tích mà ông Bùi L và bà Phạm Thị T phải giao lại cho các ông Bùi Phú L1, Bùi C2, Bùi Phụ T1, Bùi Phụ T2 (do ông Bùi Phú L1 đại diện) theo Bản án số 09/DSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, ngày 31/12/2009, ông Bùi Phú L1 tiếp tục gửi đơn yêu cầu thi hành án; vì vậy, ngày 10/01/2011, Chi cục THADS thành phố Q ban hành Quyết định số 07/QĐ-THA thu hồi Quyết định đình chỉ thi hành án số 11/QĐ-THA ngày 05/3/2008. Ngày 14/6/2021, Chi cục THADS thành phố Q ban hành Thông báo số 1119/TB-CCTHADS về việc thi hành án.

Ngày 19/8/2021, bà Phạm Thị T không thi hành án mà nộp hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số 17, phường Q. Ngày 05/10/2021, Chi cục THADS thành phố Q có Công văn số 05/CV-CCTHADS gửi Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố Q và UBND phường Q về việc phối hợp thi hành án; Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 22/10/2021 về việc tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng đất, thay đổi hiện trạng tài sản đối với phần diện tích mà ông Bùi L và bà Phạm Thị T phải giao lại cho ông Bùi Phú L1.

Căn cứ theo quy định tại Điều 11, Điều 178 Luật Thi hành án dân sự và khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì hồ sơ của bà Phạm Thị T không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, ngày 12/10/2021, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố Q có Thông báo số 2896/TB-CNTPQN về việc trả hồ sơ không giải quyết là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Từ những lý do trên, ngày 06/9/2022, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 223/QĐ-VPĐKĐ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn N (là người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị T) là đúng theo quy định.

Tại Văn bản số 518/CNTPQN ngày 14/3/2023, số 948/CNTPQN ngày 09/5/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi**,** chi nhánh thành phố Q ***trình bày:***

Qua kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSD đất lần đầu của bà Phạm Thị T, phường Q hiện đang lưu trữ tại Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh - Chi nhánh thành phố, nhận thấy hồ sơ đăng ký cấp GCNQSD đất lần đầu của bà Phạm Thị T, thường trú tại phường Q, thành phố Q đối với thửa đất số 132, tờ bản đồ số 17, đo vẽ năm 2016, phường Q là không đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Do đó, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố Q không thể tiến hành xác lập hồ sơ tham mưu cho Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND thành phố Q ký hồ sơ cấp GCNQSD đất cho bà theo quy định.

Ngày 12/10/2021, Văn phòng Đ - Chi nhánh thành phố Q có Thông báo số 2896/TB-CNTPQN về việc trả hồ sơ không giải quyết của bà Phạm Thị T, thường trú tại phường Q, thành phố Q là đúng quy định pháp luật.

Tại Văn bản số 361/CV-CCTHADS ngày 25/4/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng ngãi trình bày:

Chi cục THADS thành phố Q đang tổ chức thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2005/DSST ngày 22/8/2005 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi và Bản án dân sự phúc thẩm số 09/DSPT ngày 20/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; theo đơn yêu cầu thi hành án của ông Bùi Phú L1 ngày 30/7/2007 *(người đại diện cho các đồng thừa kế);* ngày 03/8/2007, Trưởng THADS thành phố Q (*nay là Chi cục trưởng* Chi cục THADS thành phố Q*)* ban hành Quyết định thi hành án số 734/QĐ-TYC-THA cho thi hành khoản: *Buộc vợ chồng ông* Bùi L*, bà* Phạm Thị T *phải giao lại cho các ông* Bùi Phú L1*,* Bùi C2*,* Bùi Phụ T2, Bùi Phụ T1 *(do ông* Bùi Phú L1 *làm đại diện phần đất vườn có diện tích 813m^2, tọa lạc tại thửa 115, tờ bản đồ số 3, thuộc* tổ B, phường Q, thành phố Q*).*

Sau khi ban hành Quyết định thi hành án, Chi cục Thi hành án tống đạt Quyết định thi hành án cho đương sự, ngày 03/3/2008, Chấp hành viên cơ quan THADS thành phố Q lập biên bản ghi nhận yêu cầu của người được thi hành án

(ông Bùi Phú L1*),* tại biên bản này, ông Bùi Phú L1 xin tự nguyện rút lại đơn yêu cầu thi hành án và ngày 03/3/2008, ông Bùi Phú L1 có đơn xin rút đơn yêu cầu thi hành án gửi cơ quan THADS thành phố Q. Trên cơ sở biên bản làm việc và đơn xin rút đơn yêu cầu thi hành án của ông Bùi Phú L1, ngày 05/3/2008, Trưởng THADS thành phố Q đã căn cứ khoản 3, Điều 28 Pháp lệnh THADS năm 2004 ban hành Quyết định số 11/QĐ-THA đình chỉ thi hành án; căn cứ Điều 29 Pháp lệnh THADS năm 2004 ban hành Quyết định số 07/QĐ- THA trả lại đơn yêu cầu thi hành án *(trong trường hợp việc thi hành án đã được đình chỉ hành án)* và ban hành văn bản *(giấy)* xác nhận đã đình chỉ việc thi hành án gửi cho các đương sự biết.

Ngày 31/12/2009, ông Bùi Phú L1 đã có đơn yêu cầu thi hành án gửi đến Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu Đoàn đại biểu Quốc hội kiến nghị yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q thi hành Bản án phúc thẩm số 09/DSPT ngày 20/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, buộc gia đình ông Bùi L, bà Phạm Thị T trả lại 813m^2 đất vườn cho ông; ngày 13/01/2010, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi có Văn bản số 626/ĐBQH chuyển đơn của ông Bùi Phú L1 và đề nghị Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q xem xét, giải quyết đơn của ông L1 theo thẩm quyền. Ngày 22/01/2010, Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Q đã ban hành Văn bản số 71/CV-THA trả lời đơn yêu cầu thi hành án của ông Bùi Phú L1, xác định: …nội dung ông Bùi Phú L1 có đơn yêu cầu thi hành Bản án số 09/DSPT ngày 20/01/2006 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cùng nội dung mà ông đã tự nguyện rút đơn yêu cầu thi hành án, Chi cục THADS thành phố Q không có cơ sở giải quyết yêu cầu của ông.

Không đồng ý với Văn bản số 71/CV-THA ngày 22/01/2010, ngày 15/11/2010 ông Bùi Phú L1 có đơn khiếu nại Công văn số 71/CV-THA nêu trên, ông L1 cho rằng: *Trước đây ông rút đơn yêu cầu thi hành Bản án số 09/DSPT ngày 20/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để tiếp tục đề nghị các cấp xét xử lại bản án, không phải ông rút đơn không yêu cầu thi hành án, nhưng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q lại ra Quyết định số 11/QĐ-THA ngày 05/3/2008 để đình chỉ thi hành án. Nay, ông đã có đơn yêu cầu thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q không giải quyết cho ông là không đúng quy định của pháp luật.*

Xét thấy, việc khiếu nại của ông Bùi Phú L1 có tính chất bức xúc, phức tạp, có thể tạo thành điểm nóng, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương; do đó Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp đã thành lập Đoàn công tác về làm việc với cơ quan THADS tỉnh Quảng Ngãi và cơ quan THADS thành phố Q để kiểm tra, chỉ đạo giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Phú L1. Tại buổi làm việc ngày 06/01/2011, Đại diện Tổng cục Thi hành án dân sự đã khẳng định theo quy định của Pháp lệnh THADS năm 2004 *(khoản 3 Điều 28 Pháp lệnh THADS năm 2004 quy định: Thủ trưởng Cơ quan thi hành án có thẩm quyền ra quyết định thi hành án có quyền ra quyết định đình chỉ việc thi hành án trong các trường hợp sau đây: ...Người được thi hành án có văn bản từ bỏ quyền và lợi ích mà họ được hưởng theo bản án, quyết định, trừ trường hợp*

pháp luật có quy định khác) và Nghị định số 173/2004/NĐ-CP ngày 30/9/2004 của Chính phủ *(khoản 2, Điều 16 Nghị định số 173/2004/NĐ- CP quy định: Việc từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của người được thi hành án trong bản án, quyết định phải được thể hiện bằng văn bản theo quy định của pháp luật. Cơ quan thi hành án ra quyết định đình chỉ thi hành án đối với khoản mà người được thi hành án từ bỏ quyền, lợi ích của mình. Trong trường hợp này, người được thi hành án sau đó không còn quyền yêu cầu thi hành án trở lại)* thì việc đương sự *(ông* Bùi Phú L1*)* rút đơn yêu cầu thi hành án, nhưng chưa làm rõ việc ông L1 có từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của người được thi hành án trong bản án, quyết định thì chưa đủ cơ sở để ra quyết định đình chỉ thi hành án. Do đó, đại diện Tổng cục Thi hành án dân sự đã lưu ý đối với trường hợp này, có thể giải quyết theo 02 hướng: Thứ nhất, nếu xét thấy việc đình chỉ của Chi cục THADS thành phố Q đảm bảo quy định của pháp luật thi hành án dân sự thì giải quyết khiếu nại không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Bùi Phú L1, công nhận quyết định đình chỉ của Trưởng THADS thành phố Q; Thứ hai, nếu xét thấy việc đình chỉ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q chưa đảm bảo quy định của pháp luật thì hành án dân sự (thực chất vụ việc này chưa đảm bảo đúng quy định của pháp luật về THADS) thì có thể giải quyết theo 02 cách: Chỉ đạo Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q kiểm tra lại hồ sơ và ra quyết định thu hồi quyết định đình chỉ thi hành án để tiếp tục tổ chức thi hành quyết định thi hành án cũ (căn cứ Điều 37 Luật THADS) hoặc Cục trưởng ra quyết định giải quyết khiếu nại chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Bùi Phú L1, yêu cầu Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q ra quyết định thu hồi quyết định định chỉ để tiếp tục tổ chức thi hành án.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Tổng cục Thi hành án dân sự; Ngày 10/01/2011, tại Phiếu đề xuất của Thẩm tra viên Chi cục THADS thành phố Q xác định: *Quá trình giải quyết thi hành án, tại biên bản về việc ghi nhận yêu cầu của người được thi hành án ngày 03/3/2008 và Đơn xin rút đơn yêu cầu thi hành án ngày 03/3/2008 thể hiện ông* Bùi Phú L1 *rút đơn yêu cầu thi hành án không phải để từ bỏ quyền lợi được hưởng theo bản án, ông rút đơn yêu cầu thi hành án để yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét lại bản án. Việc chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q) đề xuất Chi cục trưởng ban hành Quyết định số 11/QĐ-THA ngày 05/3/2008 để đình chỉ thi hành Quyết định thi hành án số 734/QĐ-THA ngày 03/8/2007, ban hành Quyết định số 07/QĐ-THA ngày 05/3/2008 về trả lại đơn yêu cầu thi hành án và ban hành Giấy xác nhận về thi hành án là chưa phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 28, Điều 29 Pháp lệnh THADS năm 2004 (nay là Điều 50 Luật THADS).*

Do đó, ngày 10/01/2011, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q ban hành Quyết định số 07/QĐ-THA thu hồi Quyết định số 11/QĐ-THA ngày 05/6/2008 về đình chỉ thi hành án và Quyết định số 08/QĐ-THA thu hồi Quyết định số 07/QĐ-THA ngày 05/3/2008 về trả lại đơn yêu cầu thi hành án, ra Thông báo số 80/TB-THA hủy bỏ giấy xác nhận về thi hành án để tiếp tục

tổ chức thi hành Quyết định thi hành án số 734/QĐ-TĐYC-THA ngày 03/8/2007.

Để tiếp tục thực hiện việc thi hành án, ngày 08/3/2011, Chấp hành viên có Thông báo số 114/TB-THA yêu cầu ông Bùi L, bà Phạm Thị T thu dọn, di chuyển tài sản để thi hành án khoản giao đất.

Ngày 21/3/2011 và ngày 06/4/2011, ông Bùi L, bà Phạm Thị T có đơn khiếu tố và yêu cầu gửi Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 19/4/2011, Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi tổ chức tiếp công dân đối với ông Bùi L, tại buổi tiếp công dân, Cục THADS tỉnh đã giải thích các quy định pháp luật về khiếu nại trong thi hành án dân sự cho ông Bùi L biết. Do đơn khiếu nại của vợ chồng bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Q, ngày 19/4/2011 Cục T tỉnh có Công văn số 140/THA chuyển nội dung khiếu nại và yêu cầu giải quyết khiếu nại đến Chi cục THADS thành phố Q.

Ngày 24/5/2011, Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Q ban hành Quyết định số 13/QĐ-GQKNTHA giải quyết khiếu nại của ông Bùi L và bà Phạm Thị T, xác định việc thu hồi quyết định định chỉ, quyết định trả đơn yêu cầu thi hành án và hủy bỏ giấy xác nhận kết quả thi hành án là đúng quy định, do đó, không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông L, bà T. Đồng thời, yêu cầu Chấp hành viên tiếp tục tổ chức thực hiện Quyết định thi hành án số 734/QĐ-TĐYC-THA ngày 03/8/2007 của Trưởng THADS thành phố Q.

Ngày 24/11/2015, Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Q ban hành Công văn số 97/CC-THA gửi Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh thành phố Q về việc phối hợp thi hành án; sau khi nhận được văn bản này, ngày 16/6/2016 bà Phạm Thị T có đơn khiếu nại gửi Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi về việc khiếu nại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q có hành vi vi phạm pháp luật thi hành án dân sự, nhưng do đơn khiếu nại của bà Phạm Thị T chưa đảm bảo về nội dung và hình thức theo quy định tại Điều 147 Luật THADS năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014, nên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi có Công văn số 547/CTHA hướng dẫn cho bà Phạm Thị T bổ sung nội dung đơn và yêu cầu bà Phạm Thị T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc khiếu nại còn trong thời hiệu quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật THADS năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Ngày 15/7/2016, bà Phạm Thị T bổ sung đơn khiếu nại, xét về thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì khiếu nại của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục trưởng Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, qua nội dung đơn khiếu nại, thì việc khiếu nại của bà Phạm Thị T đã hết thời hiệu khiếu nại theo Điểm a, Khoản 2, Điều 140 Luật THADS năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) (vì ngày 26/5/2016 biết được hành vi, nhưng đến ngày 16/6/2016 mới thực hiện việc khiếu nại nên đã quá 15 ngày theo quy định). Do đó, ngày 22/7/2016, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi có Thông báo số 639/TB-CTHA không thụ lý, giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị T. Và ban hành văn bản số 685/CTHA ngày 17/8/2016 để hướng dẫn, trả lời đơn cho bà Phạm Thị T, trong đó, đề nghị Văn phòng ĐKĐĐ

tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh thành phố Q phối hợp để giao đất cho những người được hưởng thừa kế theo bản án của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 23 Luật Thi hành án dân sự, phù hợp với thực tế tổ chức thi hành án và đúng với nội dung bản án của Tòa án, vì vợ chồng ông Bùi L, bà Phạm Thị T chưa thi hành xong nghĩa vụ thi hành án theo đúng nội dung bản án của Tòa án về khoản: *Buộc vợ chồng ông* Bùi L*, bà* Phạm Thị T *phải giao lại cho các ông* Bùi Phú L1, Bùi C2, Bùi Phụ T2, Bùi Phụ T1 *(do ông* Bùi Phú L1 *làm đại diện) phần đất vườn có diện tích 813m^2, tọa lạc tại thửa 115, tờ bản đồ số 3, thuộc* tổ B, phường Q, thành phố Q.

Ngày 17/02/2017, Chấp hành viên phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương phường Q, xác minh hiện trạng thực tế đối với diện tích 813m^2, tọa lạc tại thửa 115, tờ bản đồ số 3, thuộc tổ B, phường Q, thành phố Q, trên quyền sử dụng đất phải giao ông L, bà T có xây dựng một ngôi nhà cấp IV, diện tích khoảng 80m^2 có 01 ngôi nhà cấp III *(nhà xây năm 2016)*, các công trình phụ của ông Bùi L và bà Phạm Thị T xây dựng năm 2016 chưa có giấy phép, ngoài ra còn một số cây cối. Tại buổi xác minh, bà Phạm Thị T trình bày: Bà Phạm Thị T đã ủy quyền cho ông Đỗ Đức C3 để khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết liên quan đến diện tích đất 813m^2 phải giao và hiện tại Tòa án nhân dân thành phố Q đã có giấy xác nhận đơn số 680/GXN-TA ngày 18/7/2018, đến nay, chưa có thông báo thụ lý vụ việc dân sự.

Để đảm bảo việc thi hành án theo đúng nội dung Bản án của Tòa án và Quyết định thi hành án, ngày 05/10/2021, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q ban hành Công văn số 05/CV-CCTHADS về việc phối hợp thi hành án gửi cho UBND phường Q và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh thành phố Q về việc tạm dừng thực hiện các giao dịch đối với quyền sử dụng 813m^2, thửa 115, tờ bản đồ số 03, tổ B, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Tiếp đến ngày 22/10/2021, Chấp hành viên đã ban hành Q định số 01/QĐ-CCTHADS về việc tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản gửi Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh thành phố Q để tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng đối với phần diện tích mà ông L, bà T phải giao theo Bản án của Tòa án là 813m^2, tọa lạc tại thửa 115, tờ bản đồ số 3, tổ B (nay là tổ I), phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do không đồng ý với các văn bản nêu trên, ông Nguyễn Văn N (người được bà T ủy quyền) đã khiếu nại.

Ngày 29/8/2022, Chi cục THADS thành phố Q ban hành Thông báo số 2029/TB-CCTHADS về việc thụ lý khiếu nại của ông Nguyễn Văn N để giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết khiếu nại, xét thấy ông Nguyễn Văn N khiếu nại Công văn số 05/CV-CCTHADS ngày 05/10/2021 về việc phối hợp thi hành án của ông Nguyễn Văn C1 - Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố Q không thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Q mà thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục trưởng Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi *(vì lý do Công văn này, ông* Nguyễn Văn C4 *ký với chức vụ là Phó Chi cục trưởng ký thay cho Chi cục trưởng),* nên Chi cục THADS thành phố Q ban hành Thông báo số 2043/TB-CCTHADS

ngày 05/9/2022 để thu hồi nội dung thụ lý khiếu nại của ông Nguyễn Văn N đối với Công văn số 05/CV-CCTHADS ngày 05/10/2021 về việc phối hợp thi hành án của ông Nguyễn Văn C1, Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố Q và hướng dẫn ông Nguyễn Văn N khiếu nại đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi để được xem xét, thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Trên cơ sở xem xét nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn N (người được bà Phạm Thị T ủy quyền). Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q ban hành Quyết định số 45/QĐ-CCTHADS ngày 07/9/2022 về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văm N1.

Thực hiện Quyết định số 45/QĐ-CCTHADS ngày 07/9/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, ngày 13/10/2022, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q ban hành Quyết định số 02/QĐ-CCTHADS về việc thu hồi toàn bộ Quyết định số 01/QĐ-CCHADS ngày 22/10/2022.

Để thi hành dứt điểm vụ việc theo Bản án số 15/2005/DSST ngày 22/8/2005 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Ngãi (nay là TAND thành phố Q); Bản án số 09/DSPT ngày 20/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q xây dựng kế hoạch tổ chức thi hành án, phối hợp các cơ quan hữu quan, chính quyền địa phương phường Q với sự tham gia giám sát của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q thuyết phục, động viên ông Bùi Lệ, bà Phạm Thị Tư thi hành án nếu không chấp hành sẽ cương quyết áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án theo quy định pháp luật hiện hành.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T tại Tòa án là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bác đơn yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn N theo quy định pháp luật.

Tại Văn bản số 574/CTHADS-NC ngày 31/8/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Việc tổ chức thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2005/DSST ngày 22/8/2005 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân thành phố Q) và Bản án dân sự phúc thẩm số 09/DSPT ngày 20/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đang thuộc thẩm quyền tổ chức thi hành án của Chi cục THADS thành phố Q theo quy định tại Điều 35 Luật THADS, đến thời điểm hiện nay ông Bùi L (đã chết), bà Phạm Thị T vẫn chưa thi hành xong đối với khoản nghĩa vụ: *Buộc vợ chồng ông* Bùi L*, bà* Phạm Thị T *phải giao lại cho các ông* Bùi Phú L1, Bùi C2, Bùi Phụ T1, Bùi Phụ T2 *(do ông* Bùi Phú L1 *đại diện) phần đất vườn có diện tích 813m^2, tọa lạc thửa 115, tờ bản đồ số 03,* tổ B, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, do đó, Chi cục THADS thành phố Q đang tiếp tục thực hiện trình tự, thủ tục pháp luật quy định để tổ chức thi hành dứt điểm vụ việc nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T là không có cơ sở vì ông Bùi L (đã chết) và bà Phạm Thị T chưa thực hiện xong nghĩa vụ phải thi hành án đối với phần nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật. Do đó, Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2023/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 19, 27, 28, 29, 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử*: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi hành chính trả hồ sơ không giải quyết việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi tại Thông báo số 2896/TB-CNTPQN ngày 12/10/2021 là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi phải tiếp nhận lại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xác lập trình tự thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T đối với thửa đất số 132, tờ bản đồ số 17, phường Q theo quy định của pháp luật.

- Hủy quyết định số 223/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 06/9/2022 của Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn N (lần đầu).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2023, bà Phạm Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại sơ thẩm, vì bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà là không đúng.

Tại phiên tòa, Đại diên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Phạm Thị T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo của bà Phạm Thị T; nhận thấy:

- Một phần diện tích thửa đất số 115, tờ bản đồ số 3, phường Q, bà Phạm Thị T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc do ông Bùi Phú L1, Bùi C2, Bùi Phụ T1, Bùi Phụ T2 (do ông Bùi Phú L1 đại diện) được giao theo Bản án dân sự phúc thẩm số 09/DSPT ngày 20/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Quãng Ngãi.

- Ngày 03/8/2007, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q ban hành Quyết định thi hành án số 734/QĐ-TĐYC-THA buộc vợ chồng bà Phạm Thị T giao diện tích 813m^2 đất theo Bản án số 09/DSPT ngày 20/01/2006 cho ông Bùi Phú L1, Bùi C2, Bùi Phụ T1, Bùi Phụ T2.

- Ngày 03/3/2008, ông Bùi Phú L1, Bùi Phụ T2, Bùi C2, Bùi Phụ T1 làm đơn xin rút đơn yêu cầu thi hành án đối với diện tích đất 813m^2 thuộc 1 phần thửa đất số 115, tờ bản đồ 3, phường Q (nay là Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 17, phường Q). Ngày 05/3/2008, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q ban hành Quyết định số 11/QĐ- THA về việc đình chỉ thi hành án theo yêu cầu ông Bùi Phú L1.

- Ngày 10/01/2011, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q ban hành Quyết định số 07/QĐ-THA thu hồi Quyết định số 11/QĐ-THA ngày 05/6/2008 về đình chỉ thi hành án và Quyết định số 08/QĐ-THA thu hồi Quyết định số 07/QĐ-THA ngày 05/3/2008 về trả lại đơn yêu cầu thi hành án, ra Thông báo số 80/TB-THA hủy bỏ giấy xác nhận về thi hành án để tiếp tục tổ chức thi hành Quyết định thi hành án số 734/QĐ-TĐYC-THA ngày 03/8/2007.

- Ngày 19/8/2021, bà Phạm Thị T nộp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSD đất; đối chiếu với bản đồ 1993 thửa đất 132, tờ bản đồ số 17, đo vẽ năm 2016, phường Q mà bà T đề nghị cấp GCNQSD đất thuộc một phần thửa đất số 115, tờ bản đồ số 03, phường Q. Phần diện tích này theo Bản án 09/DSPT ngày 20/01/2006 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tuyên xử: *"Buộc ông* Bùi L *và bà* Phạm Thị T *phải giao lại cho ông* Bùi Phú L1, Bùi C2, Bùi Phụ T1, Bùi Phụ T2 *(do ông* Bùi Phú L1 *đại diện) phần diện tích vườn có diện tích 813m^2 được xác định cụ thể theo sơ đồ bản vẽ lập vào ngày 09/01/2006...Phần đất còn lại của khu vườn có diện tích 757m^2 tiếp tục giao cho vợ chồng ông* L*, bà* T *quản lý sử dụng..."*.

Mặc khác, trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, ngày 05/10/2021, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Q có nhận được Công văn số 05/CV-CCTHADS của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, có nội dung: "… Để đảm bảo việc thi hành án đối với Bản án số 09/DSPT ngày 20/01/2006 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi…, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q đề nghị Q1 cơ quan tạm dừng thực hiện các giao dịch chuyển nhượng, chuyển đổi,

tặng cho, thừa kế, thế chấp và cho thuê lại quyền sử dụng 813m^2, tọa lạc tại thửa 115, tờ bản đồ số 03, thuộc tổ B, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi...".

- Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị T và người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Văn N cho rằng, ông Bùi Phú L1 và những người được thi hành án không có quyền yêu cầu thi hành án lại. Nội dung này đã được Chi cục Thi hành án dân sự tành phố Q trả lời là khiếu nại của bà T và ông N là không có cơ sở.

Như vậy có căn cứ xác định diện tích 813m^2 mà bà Phạm Thị T yêu cầu cấp GCNQSD đất là của các ông Bùi Phú L1, Bùi C2, Bùi Phụ T1, Bùi Phụ T2 (do ông Bùi Phú L1 đại diện) được giao theo Bản án số 09/DSPT ngày 20/01/2006 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, nên Văn phòng Đ - Chi nhánh thành phố Q ban hành Thông báo số 2896/TB-CNTPQN về việc trả hồ sơ không giải quyết của bà Phạm Thị T là đúng quy định tại Khoản 5 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà T kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có sơ sở chấp nhận; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phạm Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; Tuy nhiên bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễm án phí nên đủ điều kiện được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác kháng cáo của bà Phạm Thị T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2023/HC-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬPHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào